

**Bài 2 – Phân tích khả năng thanh toán**

Bảng cân đối kế toán ngày 31/12 của công ty Mixon

|  | <b>2009</b> | <b>2008</b> | <b>2007</b> |
|--|-------------|-------------|-------------|
| Tiền                                   | 30,800\$    | 35,625\$    | 36,800\$    |
| Phải thu                               | 88,500      | 62,500      | 49,200      |
| Hàng tồn kho                           | 111,500     | 82,500      | 53,000      |
| Chi phí trả trước                      | 9,700       | 9,375       | 4,000       |
| Tài sản cố định                        | 277,500     | 255,000     | 229,500     |
| Tổng tài sản                           | 518,000     | 445,000     | 372,500     |
| Phải trả                               | 128,900     | 75,250      | 49,250      |
| Nợ dài hạn đảm bảo bởi tài sản cố định | 97,500      | 102,500     | 82,500      |
| Cổ phiếu thường, mệnh giá 10\$         | 162,500     | 162,500     | 162,500     |
| Lợi nhuận giữ lại                      | 129,100     | 104,750     | 78,250      |
| Tổng Nợ và Vốn cổ phần                 | 518,000     | 445,000     | 372,500     |

**Yêu cầu:**

So sánh khả năng thanh toán nợ ngắn hạn của công ty ở thời điểm cuối năm 2007, 2008, 2009 bằng việc tính: (a) tỷ số thanh toán ngắn hạn, (b) tỷ số khả năng thanh toán nhanh (c) tỷ số khả năng thanh toán tức thời.

Nhận xét về các kết quả tính được.